

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ
Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 08-6-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quốc Tâm**

Bà Hồ Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phùng Nam Hải** -Thư ký chính Tòa án nhân dân huyện Đakrông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Nhật Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1987 tại Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; vợ Võ Thị T, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 15/2017/HSPT ngày 25/10/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 04/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2023 cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị hại: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phú Ph, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện G, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Ph, Xã C, huyện C, tỉnh Q. Văng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 00 ngày 15/01/2023, sau khi đi đến khu vực Cửa khẩu Quốc tế La Lay. Nguyễn Văn T nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23 đang dừng phía trước sân nhà kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Quốc tế La Lay. Trên ổ khóa điện có sẵn chìa khóa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn T quan sát xung quanh không có ai, liền đi đến vị trí xe mô tô nói trên, bật khóa điện, nổ máy điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23 di chuyển về hướng Ngã ba La Lay thuộc địa bàn xã A Ngo, huyện Đakrông. Trên đường đi Nguyễn Văn T gặp anh Phạm Văn L, anh Phạm Văn L hỏi Nguyễn Văn T: “*Răng mi đi lên, đi về mà không trả tiền cho tau, mi lừa đảo tau phải không?*” thì Nguyễn Văn T trả lời: “*Em định vài ngày nữa lên trả*”. Thấy Nguyễn Văn T có đi mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23, nên anh Phạm Văn L nói Nguyễn Văn T để xe lại về nhà lấy tiền lên trả và lấy xe về thì Nguyễn Văn T đồng ý. Do nghi ngờ về nguồn gốc xe mô tô nên anh Phạm Văn L hỏi giấy đăng ký xe mô tô nói trên thì Nguyễn Văn T nói dối là đã cầm cố cho người khác. Lúc này, anh Phạm Văn L lấy một tờ giấy và bút đưa cho Nguyễn Văn T yêu cầu viết tên, tuổi, địa chỉ, số tiền nợ và xác nhận xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23 là của Nguyễn Văn T, không phải là xe trộm cắp trước sự chứng kiến của Nguyễn Quang L, Nguyễn Hữu S. Sau khi viết xong, Nguyễn Văn T giao xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23 cho anh L để trừ số nợ 3.500.000 đồng và 1.000.000 tiền kíp Lào mà Nguyễn Văn T đã mượn trước đó. Sau đó, Nguyễn Văn T đi bộ đến khu vực Ngã ba La Lay đón xe khách về nhà tại thôn Phú Thọ, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Do nghi ngờ về nguồn gốc xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23, nên anh Phạm Văn L cùng anh Long đưa xe mô tô nói trên đến Trạm kiểm soát Biên phòng Cửa khẩu quốc tế La Lay thì biết được đây là tài sản bị mất cắp nên tự nguyện giao nộp lại xe mô tô nói trên.

Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đakrông kết luận: Xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng đen, số máy 5C6K209024; số khung C6K0FY209015, biển kiểm soát 74C1 – 266.23 có giá trị 7.107.000 đồng.

Cáo trạng số: 16/CT-VKSĐKR ngày 28/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 31/01/2023.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng đen, số máy 5C6K209024; số khung C6K0FY209015, biển kiểm soát 74C1 – 266.23, xe đã qua sử dụng. Cơ quan Điều tra xác định là tài sản của bà Hoàng Thị Th nên đã trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án .

Về trách nhiệm dân sự: bà Hoàng Thị Th và anh Trần Phú Ph vắng mặt tại phiên Tòa nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện không có yêu cầu gì.

Đối với anh Phạm Văn L người giữ xe mô tô biển kiểm soát 74C1 - 266.23 do bị cáo Nguyễn Văn T giao. Tuy nhiên, anh Phạm Văn L không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế La Lay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đakrông, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên huyện Đakrông: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Ngày 15/01/2023, tại Cửa khẩu Quốc tế La Lay, lợi dụng lúc vắng người và sự sơ hở của người sử dụng tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút lấy xe mô tô biển kiểm soát 74C1-266.23. Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đakrông kết luận: Xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng đen, số máy 5C6K209024; số khung C6K0FY209015, biển kiểm soát 74C1 – 266.23 có giá trị 7.107.000 đồng. Quá trình tại cơ quan Điều tra và tại phiên Tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình

phạt quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi, không chịu khó làm ăn lương thiện mà phạm tội. Hiện nay, tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn Quảng Trị ngày càng gia tăng; cần phải xử phạt nghiêm minh trước pháp luật nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục, và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

Tình tiết tăng nặng: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 15/2017/HSPT ngày 25/10/2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo chưa được xóa án tích mà phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và bị xét xử, nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo tuân theo pháp luật và phòng chống ngăn ngừa tội phạm chung.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng đen, số máy 5C6K209024; số khung C6K0FY209015, biển kiểm soát 74C1 – 266.23, xe đã qua sử dụng. Cơ quan Điều tra xác định là tài sản của bà Hoàng Thị Thanh nên đã trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án và bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bà Hoàng Thị Th và anh Trần Phú Ph vắng mặt tại phiên Tòa nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vấn đề khác: Đối với anh Phạm Văn L người giữ xe mô tô biển kiểm soát 74C1 - 266.23 do bị cáo Nguyễn Văn T giao. Tuy nhiên, anh Phạm Văn L

không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/01/2023.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát, Công an huyện Đakrông;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đakrông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

Mai Thị Thu Hà